

Bản án số 146/2017/HSST
Ngày 05/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Quyết
2. Ông Trần Đăng Khoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng
xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 153/2017/HSST ngày 20 tháng 10
năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Mạc Văn C, sinh năm 1986 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn 1, xã TN1, huyện
TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp
12/12; con ông Mạc Văn K, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1952;
có vợ là Nguyễn Thị Thanh H6, sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ
sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày
07/10/2016 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. Vũ Sơn N, sinh năm 1993 tại Hải Phòng; trú tại: Số 11/13/84/143 LC1A,
phường LC1, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn
hóa: Lớp 12/12; con ông Vũ Quốc Đ3, sinh năm 1971 và bà Đào Thị Tuyết M1,
sinh năm 1973; có vợ là Đỗ Thị Kiều T10, sinh năm 1993; có 01 con, sinh năm
2012; tiền án, tiền sự: 01 tiền án (Án số 214/2012/HSST ngày 28/12/2012 Tòa án
nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án
treo, thời gian thử thách là 5 năm về tội “Cướp giật tài sản” - Chưa được xóa án
tích); tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 07/10/2016 chuyển tạm giam. Có mặt.

3. Mai Phi N1, sinh năm 1983 tại Hải Phòng; trú tại: Số 17/82/30 LC2A,
quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12;
con ông Mai Duy Đ4 (đã chết) và bà Đặng Thị L2, sinh năm 1956; có vợ là
Nguyễn Thị Lệ H7, sinh năm 1985; có 01 con, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự:
Không; tạm giữ từ ngày 05/10/2016 đến ngày 07/10/2016 chuyển tạm giam. Có
mặt.

4. Trần Hữu C1, sinh năm 1988 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn 1, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; con ông Trần Hữu T11, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T12, sinh năm 1964; có vợ là Phan Thị Thu T13, sinh năm 1995; có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 07/10/2016 chuyển tạm giam, ngày 15/11/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Ngô Gia L, sinh năm 1990 tại Hải Phòng; trú tại: Số 59/30 LC2A, phường LC2, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Ngô Xuân P1, sinh năm 1958 và bà Ngô Thúy N6, sinh năm 1959; có vợ là Phạm Thu T14, sinh năm 1993; có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 07/10/2016 chuyển tạm giam, ngày 24/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Anh Lê Quốc H3, sinh năm 1992; trú tại: Số 31/414 LC3A, phường LC3, quận LC, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Mai Phi N1, Ngô Gia L, Trần Hữu C1 bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

1. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng G9 quán Karaoke G5 số 125 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng:

Hồi 01 giờ 50 ngày 29/9/2016, Phòng PC47 Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang Vũ Sơn N, Ngô Gia L, Mai Phi N1 đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng G9 quán Karaoke G5 số 125 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Trong phòng G9 có 9 người đang hát gồm: Vũ Sơn N, sinh năm 1993, ĐKHKT và chỗ ở: 11/13/84/143 LC1A, phường LC1, quận LC, thành phố Hải Phòng; Ngô Gia L, sinh năm 1990, ĐKHKT và chỗ ở: 59/30 đường LC2A, phường LC2, quận LC, thành phố Hải Phòng; Mai Phi N1, sinh năm 1983, ĐKHKT và chỗ ở: Số 17/82/30 đường LC2A, phường LC2, quận LC, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thiện N2, sinh năm 1993, ĐKHKT và chỗ ở: **Số 22, Tổ 20 AD1, huyện AD**, thành phố Hải Phòng; Bùi Đức U, sinh năm 1996, ĐKHKT: DK1A, phường DK1, quận DK, thành phố Hải Phòng; Hà Hương H, sinh năm 1993, ĐKHKT: 69 LC4A, phường LC4, quận LC, thành phố Hải Phòng; Vũ Đức M, sinh năm 1986, ĐKHKT và chỗ ở: 55A TN2A, xã TN2, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Phạm Hồng G sinh năm 1983, ĐKHKT và chỗ ở: 3/30 đường NQ2A, phường NQ2, quận NQ, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thị Phương T sinh năm 1996, ĐKHKT: Xóm 3, thôn TN3A, xã TN3, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Thu giữ vật chứng gồm: 03 túi nilon chứa các viên nén màu trắng ngà, 02 túi nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng trong lòng đĩa có 02 đường tinh thể màu trắng, 01 miếng nhựa cứng màu đen kích thước khoảng 5x8cm có chữ CHANEL, 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền 20.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 65/PC54 (MT) ngày 06/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã xác định:

Tại phòng G9: Các viên nén thu giữ trong 3 túi nilon có tổng khối lượng lần lượt là 4,59gam; 2,14 gam và 1,00 gam đều có MDMA; tinh thể màu trắng trong hai túi nilon có khối lượng lần lượt là 2,93 gam; 1,08 gam có Ketamine; tạp chất dính trên đĩa sứ có Ketamine không đủ xác định khối lượng. (Ketamine, MDMA là các chất nằm trong danh mục các chất ma túy quy định tại Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ)

Kết quả xét nghiệm nước tiểu 4/9 người khách tại phòng G9 gồm Vũ Sơn N, Mai Phi N1 dương tính với chất ma túy MDMA, Ketamine; Ngô Gia L, Nguyễn Thiện N2 dương tính với chất ma túy Ketamine.

Kết quả xác minh tại Chính quyền địa phương và gia đình đã xác định: Vũ Sơn N, Ngô Gia L, Mai Phi N1, Nguyễn Thiện N2 không nằm trong danh sách các đối tượng nghiện ma túy, không có biểu hiện nghiện ma túy.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng hát tại phòng G9 khai nhận:

Khoảng 21 giờ ngày 28/09/2016, Vũ Sơn N, Nguyễn Thiện N2, Ngô Gia L, Bùi Đức U, Nguyễn Thị Phương T, Vũ Đức M đi uống rượu mực tại khu vực bờ Hồ An Biên đến khoảng 23 giờ thì N2 rủ mọi người đi hát tại quán Karaoke G5 số 125 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng, tất cả đồng ý. Sau đó, M, T đi đón Phạm Hồng G đến quán Karaoke G5 nhưng không thấy N2, M gọi điện hỏi N2 thì N2 bảo cứ lấy phòng hát. M lấy phòng G9, M, G, T vào hát một lúc thì N2, N, L, U vào phòng. Tại phòng hát N lấy túi thuốc lắc để cạnh laptop N mang theo rồi đổ túi Ketamine ra đĩa sứ của quán hát, dùng thẻ nhựa đánh Ketamine và để trên mặt loa để mọi người sử dụng. L, N, M, U đã sử dụng Ketamine của N. Khoảng 15 phút sau thì Hà Hương H và Mai Văn N1 đến phòng do L gọi điện rủ N1. L, N, M, U đã sử dụng Ketamine của N. L lấy một viên thuốc lắc trong túi của N đưa cho N1 và N1 đã sử dụng bằng cách uống với nước. N1 lấy trong người ra một túi Ketamine đổ ra đĩa sứ, dùng thẻ nhựa đánh Ketamine và nói với L chơi đi. Tiếp đó, N1 cầm đĩa Ketamine mời mọi người sử dụng. N, L, N2 đã sử dụng Ketamine của N1. Đến khoảng 02 giờ ngày 29/9/2016, Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Về nguồn gốc ma túy Vũ Sơn N đã tổ chức sử dụng cho các đối tượng tại phòng G9: Lúc đầu N khai là N nhặt được trên đường về nhà sau khi đi dự sinh nhật bạn ở Hải Dương ba ngày trước khi bị bắt. Ngay sau đó, N thay đổi lời khai số ma túy trên là N mua của 1 nhân viên nam tại phòng hát của quán. N đưa 2.000.000 đồng cho nhân viên, sau đó vào nhà vệ sinh lấy một túi đựng Ketamine và một túi chứa 6-7 viên thuốc lắc dưới gầm bồn rửa mặt mang vào phòng G9 cho mọi người sử dụng.

Mai Phi N1 không thừa nhận hành vi đưa ma túy cho Vũ Sơn N, Ngô Gia L, Nguyễn Thiện N2 sử dụng.

2. Hành vi tổ chức trái phép chất ma túy tại phòng G5 quán Karaoke G5 số 125 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng:

Sau khi bắt quả tang hành vi phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng G9 quán Karaoke G5 số 125 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng, Phòng PC47 Công an thành phố Hải Phòng khám xét khẩn cấp đối với phòng G5 quán Karaoke G5. Tại phòng G5 có 28 người đang hát gồm Mạc Văn C, sinh năm 1986, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn 1, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Trần Hữu C1, sinh năm: 1988, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn 1, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Tô Thị H1, sinh năm 1989, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TN1B, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Trần Mạnh T1, sinh năm 1976, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TN3A, xã TN3, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Đặng Duy N3, sinh năm 1980, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TN3A, xã TN3, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Tụ N4, sinh năm 1984, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TN1B, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Sỹ Q, sinh năm 1982, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TN1B, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Cao Thị T2, sinh năm 1997, ĐKHKT và chỗ ở: khu 7 VT1A, xã VT1 huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; Phạm Thị T3, sinh năm 1995, ĐKHKT: khu 5 thị trấn TL, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Bùi Thế L1, sinh năm 1990, ĐKHKT và chỗ ở: Khu 2 thị trấn TL1, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Trịnh Anh T4, sinh năm 1969. ĐKHKT: 13/41/48 LC1A, phường LC2A, quận LC, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1959, chỗ ở: Số 699 BN1, thị xã BN, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Văn N5, sinh năm 1998, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TN4A, xã TN4, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Trần Thành C2, sinh năm 1994. ĐKHKT: Thôn TL2A, TL2, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Phạm Ngọc T6, sinh năm 1989, ĐKHKT và chỗ ở: khu 3 thị trấn TL1, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Tụ Khánh V, sinh năm 1991, ĐKHKT và chỗ ở: TN1B, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Đoàn Thị H2, sinh năm 1992, ĐKHKT và chỗ ở: tổ 14 Khu 2 HL1, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; Bùi Thị Bích D, sinh năm: 1995, chỗ ở: TL3A, xã TL3, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1997, chỗ ở: Thôn TL4A, TL4, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Bùi Duy B, sinh năm 1985, ĐKHKT và chỗ ở: Khu 2 thị trấn TL, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Lê Quốc H3, sinh năm 1992; ĐKHKT và chỗ ở: 31/414 LC3A, quận LC, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1994, ĐKHKT và chỗ ở: 87 C ST1, huyện ST, thành phố Hà Nội; Huỳnh Thị Kiều T7, sinh năm 1996, chỗ ở: Thôn TL4A, xã TL4, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Hoàng Văn H4, sinh năm 1985, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn AL1A, xã AL1, huyện AL, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Văn C3, sinh năm 1988, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TL4B, xã TL4, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Phan Lương T8, sinh năm 1991, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TL5A, xã TL5, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Tăng H5, sinh năm 1980, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn TN1B, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Danh Đ, sinh năm 1992, ĐKHKT và chỗ ở: Số 7 lô 150 khu T4 HA1, quận HA, thành phố Hải Phòng. Phát hiện thu giữ tại phòng G5 một số viên nén nghi là ma túy tại túi quần, túi xách của các đối tượng và sàn phòng cụ thể: 01 viên nén màu trắng túi xách của Phạm Thị T3, 01 túi nilon chứa 06 viên nén màu trắng

tại túi quần sau của Trần Hữu C1, 01 viên nén màu trắng tại gầm ghế Cao Thị T2 ngồi, 01 viên nén màu trắng trong túi xách tay của Tô Thị H1 và 01 máy tính xách tay của N.

Tại Kết luận giám định số 65/PC54 (MT) ngày 06/10/2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã xác định:

Tại phòng G5: 1 viên nén thu giữ trong túi Phạm Thị Thành có khối lượng 0,26 gam; 6 viên nén thu giữ trong túi quần Trần Hữu C1 có tổng khối lượng 1,54 gam; 1 viên nén thu giữ trong túi xách của Tô Thị H1 có khối lượng 0,24 gam, một viên nén thu giữ tại gầm ghế Cao Thị T2 ngồi có khối lượng 0,25 gam đều có MDMA. (MDMA là các chất nằm trong danh mục các chất ma túy quy định tại Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ)

Kết quả xét nghiệm nước tiểu 17/28 người khách tại phòng G5 gồm: Mạc Văn C, Nguyễn Hữu C1, Tô Thị H1, Trần Mạnh T1, Đặng Duy N3, Nguyễn Tự N4, Nguyễn Sĩ Q, Bùi Thế L1, Trịnh Anh T4, Nguyễn Hữu T5, Nguyễn Văn N5, Trần Thành C2, Phạm Ngọc T6, Nguyễn Tự Khánh V, Đoàn Thị H2, Bùi Thị Bích D, Nguyễn Thị Ngọc T dương tính với chất ma túy MDMA.

Kết xác minh tại Chính quyền địa phương và gia đình đã xác định: Mạc Văn C, Tô Thị H1, Đặng Duy N3, Trần Mạnh T1, Trần Hữu C1, Nguyễn Tự N4, Nguyễn Sĩ Q đều không nằm trong danh sách các đối tượng nghiện ma túy, không có biểu hiện nghiện ma túy.

Tại Cơ quan điều tra 28 đối tượng có mặt trong phòng G5 khai nhận:

Khoảng 21 giờ 30' ngày 28/09/2016, Mạc Văn C, Nguyễn Hữu C1, Tô Thị H1, Trần Mạnh T1, Đặng Duy N3, Nguyễn Tự N4, Nguyễn Sĩ Q, Cao Thị T2, Phạm Thị T2, Bùi Thế L1, Trịnh Anh T4, Nguyễn Hữu T5, Nguyễn Văn N5, Trần Thành C2, Phạm Ngọc T6, Nguyễn Tự Khánh V, Đoàn Thị H2, Bùi Thị Bích D, Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Duy B, Lê Quốc H3, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Kiều T7, Hoàng Văn H4, Nguyễn Văn C3, Phan Lương T8, Nguyễn Tăng H5 thuộc các nhóm, từ các địa bàn khác nhau đến quán bar MDM, đường Lạch Tray, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Tại đây, các nhóm người này có những người quen với nhau, họ dùng đồ uống, nghe nhạc và nói chuyện giao lưu với nhau. Đến khoảng 24 giờ thì tất cả rủ nhau đi đến phòng G5 của quán Karaoke G5 số 125 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng để hát. Trên đường đi một nhóm đi ô tô liên lạc đến nhà đón Lê Quốc H3 để H3 mang theo laptop đến quán Karaoke G5 để chỉnh nhạc.

Đến phòng hát G5, H3 dùng laptop mở nhạc cho mọi người hát và nhảy. Khi mọi người trong phòng G5 hát được khoảng 15 phút thì Mạc Văn C cầm thuốc lắc đi phát cho mọi người sử dụng. Tô Thị H1, Đặng Duy N3, Trần Mạnh T1, Nguyễn Sĩ Q mỗi người cầm 1 viên do C phát sử dụng. H1 sử dụng bằng cách uống với nước Pesi, T1 sử dụng bằng cách uống với nước lọc, N3, Q sử dụng bằng cách uống với nước coca. Cũng tại phòng hát G5, Trần Hữu C1 có đưa cho Nguyễn Tự N4 1 viên thuốc lắc. N4 đã bẻ đôi viên thuốc lắc và sử dụng $\frac{1}{2}$ viên với nước coca, $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc còn lại N4 để trên bàn.

Tại Cơ quan điều tra, Mạc Văn C khai nhận đã có hành vi cung cấp ma túy cho một số đối tượng trong phòng hát để các đối tượng này sử dụng như trên. Tuy nhiên, C khai: Khi vào phòng G5, C thấy có 3 viên thuốc lắc, không biết của ai trên bàn. C cầm 2 viên thuốc lắc, đưa cho Nguyễn Sỹ Q 1 viên, đưa cho Tô Thị H1 1 viên để sử dụng. C đã sử dụng $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc bằng cách uống với nước lọc. $\frac{1}{2}$ viên còn lại C để trên mặt bàn. Ngoài Q, H1 ra C không đưa thuốc lắc cho ai khác.

Trần Hữu C1 không thừa nhận đã đưa đã đưa 1 viên thuốc lắc cho Nguyễn Tự N4 sử dụng. C1 chỉ thừa nhận khi ở trong phòng hát có 1 thanh niên đưa cho C1 1 viên thuốc lắc, C1 đã sử dụng với nước lọc. Một lúc sau, có một thanh niên đưa cho C1 1 túi nilon có 6 viên thuốc lắc, C1 đút vào túi quần sau C1 đang mặc, đã bị Cơ quan Công an kiểm tra thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT –P1 ngày 16 tháng 05 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Mai Phi N1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự; bị cáo Ngô Gia L, Trần Hữu C1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 197 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Ngô Gia L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Riêng bị cáo L lúc đầu khai bị cáo N1 là người bỏ ma túy từ trong túi quần ra mời L, N, N2 sử dụng nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai có nhìn thấy N1 mời nhưng mọi người có sử dụng hay không, bị cáo không nhớ rõ. Bị cáo L không lí giải được vì sao trước đó, tại phiên tòa bị cáo vẫn khai như Cáo trạng đã nêu.

Bị cáo Mai Phi N1 không thừa nhận hành vi của mình và khai: Bị cáo được bị cáo L mời đến hát, bị cáo L đưa cho bị cáo 1 viên ma túy để sử dụng, bị cáo không mang ma túy đến phòng hát và không mời ai sử dụng ma túy. Quá trình điều tra, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã sử dụng quyền lực, điều tra không đúng, không cho bị cáo đối chất mà chỉ căn cứ vào lời khai của các đối tượng đã sử dụng ma túy để kết tội bị cáo là không đúng. Bị cáo N1 đề nghị được đối chất tại phiên tòa.

Bị cáo Trần Hữu C1 không thừa nhận hành vi của mình và khai: Bị cáo cùng Nguyễn Tự N4 đến phòng G5 hát. Khi đến, bị cáo được một người mời 1 viên thuốc lắc để sử dụng. Sau đó, 1 người khác mang 1 túi ma túy đến đưa cho bị cáo sử dụng nhưng bị cáo không sử dụng mà cất vào túi quần nhằm mục đích sử dụng dần, bị cáo không mời Nguyễn Tự N4 sử dụng ma túy.

Người làm chứng Nguyễn Tự N4 tại phiên tòa khai: Tại Cơ quan điều tra, anh khai bị cáo C1 là người đưa ma túy cho anh sử dụng là không đúng bởi lẽ: Khi anh đến phòng hát, anh đã uống cốc cô ca có pha ma túy nên không tỉnh táo (bị phê) và đã khai cho C1. Sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, do Điều tra viên tác động đe dọa anh nên anh đã giữ nguyên lời khai trước đó. Tại phiên tòa hôm nay, anh cam đoan lời khai của anh là đúng sự thật, thực sự bị cáo C1 không đưa ma túy cho anh N4 sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 197; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Mai Phi N1 (Áp dụng thêm điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mạc Văn C và Vũ Sơn N; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; khoản 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Sơn N; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Mai Phi N1)

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 197 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Gia L, Trần Hữu C1 (áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Gia L).

Xử phạt:

1. *Mạc Văn C*: Từ 5 năm đến 6 năm tù.

Phạt tiền: Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

2. *Vũ Sơn N*: Từ 6 năm đến 7 năm tù.

Tổng hợp với Bản án số 214/2012/HSST ngày 28/12/2012 Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng, chuyển hình phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” thành 36 tháng tù giam. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cả 2 Bản án là: 9 năm đến 10 năm tù.

Phạt tiền: Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

3. *Mai Phi N1*: Từ 5 đến 6 năm tù.

Phạt tiền: Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

4. *Ngô Gia L*: Từ 18 tháng đến 24 tháng tù

Phạt tiền: Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

5. *Trần Hữu C1*: Từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Phạt tiền: Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo Mạc Văn C, Ngô Gia L, Vũ Sơn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng.

Tại phiên tòa, mặc dù bị cáo Mai Phi N1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai không có hành vi đưa ma túy cho người khác sử dụng mà chỉ sử dụng 1 viên thuốc lắc (MDMA) do Ngô Gia L đưa nhưng căn cứ vào lời khai

của các bị cáo Vũ Sơn N, Ngô Gia L và người làm chứng Nguyễn Thiện N2 đều khai: Khi N1 vào phòng hát thì đĩa Ketamine của N mời mọi người đã hết, L đưa cho N1 1 viên thuốc lắc; sau đó, N1 đổ Ketamine ra đĩa dùng thử kẻ ke rồi mời mọi người dùng thử. Tại BL 361 – 362, Nguyễn Thiện N2 khai: “...tôi nhìn thấy có người đưa cho anh N1 một viên thuốc lắc để anh N1 sử dụng....Sau đó, anh N1 lấy từ trong túi quần ra 01 túi Ketamine đổ ra đĩa sứ màu trắng rồi dùng thẻ nhựa cứng màu đen đánh Ketamine. Sau khi đánh Ketamine xong, anh N1 bê đĩa Ketamine đi mời mọi người trong phòng...Tôi lấy ống hút ở trong đĩa và hít một đường Ke trong đĩa đó...”. Lời khai của các bị cáo N, L và lời khai của người làm chứng N2 phù hợp với nhau về việc bị cáo N1 có mang theo ma túy, lấy ma túy trong người ra kẻ ke và mời mọi người sử dụng. Ngoài ra, bị cáo Nghĩa khai chỉ sử dụng 1 loại ma túy nhưng theo Kết quả test chất ma túy thể hiện, bị cáo N1 dương tính với 2 loại ma túy (MDMA và Ketamine). Mặt khác, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cho bị cáo N1 đã được đối chất với 2 bị cáo L và N. Về cơ bản, lời khai của các bị cáo L, N vẫn giữ nguyên như tại Cơ quan điều tra; người làm chứng N2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày giữ nguyên lời khai.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Mạc Văn C, Ngô Gia L, Vũ Sơn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết quả test chất ma túy, lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 29/9/2016 tại phòng G9 quán Karaoke G5, Vũ Sơn N đã có hành vi cung cấp trái phép chất ma túy (gồm MDMA và Ketamine) cho Ngô Gia L, Nguyễn Thiện N2, Mai Phi N1 sử dụng; Ngô Gia L đã đồng phạm với N cung cấp trái phép chất ma túy MDMA cho N1 sử dụng; N1 cung cấp Ketamine cho Vũ Sơn N, Ngô Gia L, Nguyễn Thiện N2 sử dụng. Các đối tượng Ngô Gia L, Nguyễn Thiện N2, Vũ Sơn N, Mai Phi N1 đều không phải đối tượng nghiện. Cùng ngày 29/9/2016, tại phòng G5, Mạc Văn C đã có hành vi cũng cấp chất ma túy MDMA cho Tô Thị H1, Đặng Duy N3, Trần Mạnh T1, Nguyễn Sĩ Q sử dụng, các đối tượng này đều không phải đối tượng nghiện. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vũ Sơn N, Ngô Gia L, Mai Phi N1, Mạc Văn C đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 197 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật

Đối với bị cáo Trần Hữu C1, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều kêu oan: Bị cáo không thừa nhận hành vi đưa 01 viên thuốc lắc (MDMA) cho Nguyễn Tự N4 sử dụng. Người làm chứng Nguyễn Tự N4 tại Cơ quan điều tra khai về việc C1 là người đưa ma túy cho N4 sử dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa trước khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, N4 khai: N4 đi cùng C1, khi đến phòng hát N4 có uống nước coca pha ma túy nên bị say, không nhận thức được và không tính tào nên đã khai cho C1 đưa ma túy cho N4 sử dụng. Thực tế, bị cáo C1 không đưa ma túy cho N4. Sau khi trả hồ sơ, người làm chứng N4 lại khai: C1 là người đưa ma túy cho N4. Lí do N4 khai như vậy là do tại Cơ quan điều tra ngày 16/10/2017 đã bị Điều tra viên có những lời lẽ đe dọa tác động làm ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý nên N4 phải giữ nguyên lời khai ban đầu không đúng (C1 là người đưa ma túy

cho N4) và tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Tự N4 vẫn khẳng định lời khai của bị cáo tại 2 phiên tòa là đúng và cam đoan giữ nguyên lời khai như tại phiên tòa trước; phù hợp với lời khai của các người làm chứng ngồi cùng bàn với N4 gồm: Nguyễn Tự Khánh V, Vũ Sỹ Q, Nguyễn Tăng H5 đều khẳng định không nhìn thấy C1 đưa ma túy cho N4. Ngoài lời khai của người làm chứng Nguyễn Tự N4, không còn căn cứ, tài liệu gì khác để kết luận bị cáo Trần Hữu C1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 197 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố và như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Tuy nhiên, bị cáo Trần Hữu C1 đã có hành vi tàng trữ 06 viên nén có khối lượng 1,54 gam có chứa MDMA nhằm mục đích sử dụng nên bị cáo chỉ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước ta, mặt khác, ma túy vẫn đang là hiểm họa của toàn cầu, là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác nên cần phải xử lý nghiêm.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Mai Phi N1 có hành vi đưa ma túy cho nhiều người sử dụng nên bị xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ngô Gia L không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 197 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Hữu C1: Theo hàm lượng thô, bị cáo tàng trữ 1,54 gam có chứa MDMA nên phạm vào khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo:

- *Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:* Các bị cáo Mai Phi N1, Ngô Gia L, Vũ Sơn N đồng phạm với nhau; N là người bỏ tiền mua ma túy cung cấp cho mọi người sử dụng nên có vai trò cao nhất; bị cáo N1 cho nhiều người sử dụng ma túy hơn bị cáo L nên có vai trò thấp hơn N nhưng cao hơn L; bị cáo L có vai trò thấp nhất. Bị cáo Mạc Văn C cũng có hành vi tổ chức cho người khác sử dụng trái phép ma túy. Về hình phạt, bị cáo C phải chịu hình phạt ngang với bị cáo N1 và thấp hơn bị cáo N; bị cáo L phải chịu mức hình phạt thấp hơn các bị cáo còn lại.

Mặt khác, bị cáo Vũ Sơn N nhân thân đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo bị kết án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên cần áp dụng Điều 50, Điều 51, khoản 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai Bản án.

Các bị cáo Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Ngô Gia L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Mạc Văn C có bố đẻ là thương binh, tham gia kháng chiến chống Mỹ và được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huy chương Chiến sĩ

giải phóng; bị cáo Vũ Sơn N có ông là Liệt sĩ. Bị cáo N1 có thời gian tham gia quân đội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Ngô Gia L; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Sơn N, Mạc Văn C; áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Mai Phi N1. Do đó, cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử các bị cáo C, N, N1 dưới mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự và xử bị cáo L dưới mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 197 Bộ luật Hình sự.

- *Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”*: Theo hàm lượng thô, bị cáo Trần Hữu C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng tính theo hàm lượng tinh chất, lượng ma túy bị cáo tàng trữ tại bản Kết luận giám định (BL 39) mẫu 2G5 có hàm lượng 32,2% x 1,54 gam (6 viên) = 0,49588 gam MDMA thì không đủ lượng cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do vậy, áp dụng Điều 25 Bộ luật Hình sự, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo C1.

Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng:

+ Đối với 02 phong bì niêm phong; 01 hộp bìa các tông; 02 ống hút bằng tiền; 01 thẻ mang tên Nguyễn Tiến Đ1: Các bị cáo sử dụng các vật này để sử dụng trái phép chất ma túy, xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 Laptop nhãn hiệu Macbook và 01 túi quai chéo thu giữ của bị cáo Vũ Sơn N: Bị cáo khai mượn các đồ vật này của một người tên T9 (không rõ địa chỉ, lai lịch), bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 xe máy Honda thu giữ của bị cáo Ngô Gia L: Bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, có đơn xin lại tài sản nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 02 điện thoại Iphone màu vàng thu giữ của Mạc Văn C và Trần Hữu C1 và số tiền 3.450.000 đồng thu giữ của bị cáo C: Các bị cáo đều không sử dụng điện thoại và số tiền này vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

+ Đối với 01 Laptop nhãn hiệu Elitebook thu giữ của Lê Quốc H3: Không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho anh Lê Quốc H3.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Mai Phi N1, Ngô Gia L** đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo **Trần Hữu C1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 197; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mạc Văn C, Vũ Sơn N, Mai Phi N1 (Áp dụng thêm điểm p khoản 1, khoản 2 đối đối bị cáo Mạc Văn C và Vũ Sơn N; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 50, Điều 51, khoản 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Sơn N; áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Mai Phi N1)

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 197; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Gia L

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; Điều 25 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Hữu C1.

Xử phạt:

- **Mạc Văn C:** 5 (*Năm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2016.

Phạt tiền: 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để sung quỹ Nhà nước

- **Vũ Sơn N:** 6 (*Sáu*) năm 6 (*Sáu*) tháng tù.

Tổng hợp với Bản án số 214/2012/HSST ngày 28/12/2012 Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng, chuyển hình phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” thành 36 tháng tù giam.

Buộc bị cáo phải chấp hành chung cả 2 Bản án là 9 (Chín) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2016.

Phạt tiền: 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- **Mai Phi N1:** 5 (*Năm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2016.

Phạt tiền: 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- **Ngô Gia L:** 18 (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, trừ cho bị cáo các ngày bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 29/9/2016 đến ngày 24/2/2017).

Phạt tiền: 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- **Trần Hữu C1:** Miễn trách nhiệm hình sự

Phạt tiền: 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền phạt mà Bản án đã tuyên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (*Hai*) phong bì niêm phong; 01 (*Một*) hộp bìa các tông; 02 (*Hai*) ống hút bằng tiền; 01 (*Một*) thẻ mang tên Nguyễn Tiến Đ1.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Vũ Sơn N: 01 (Một) laptop nhãn hiệu Macbook; 01 (Một) túi quai chéo.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Ngô Gia L: 01 (Một) xe máy Honda.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Mạc Văn C: 01 (Một) điện thoại Iphone màu vàng và số tiền 3.450.000 (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trần Hữu C1: 01 (Một) điện thoại Iphone màu vàng.

- Trả lại cho anh Lê Quốc H3: 01 (Một) Laptop nhãn hiệu Elitebook

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và Biên lai thu tiền số 0003315 ngày 15/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.)

3. *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Các bị cáo (có mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND TP.HP;
- Công an thành phố HP;
- Thi hành án TPHP; Sở tư pháp;
- Các bị cáo; Trại tạm giam;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà